FireAnt

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	12,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,747
SL cổ phiếu LH	320,613,054
KLGD BQ 20 phiên (CP)	215,235
% sở hữu nước ngoài	11.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,960
P/E	10.0
EPS	1,235

	YTD	1T	3T	6T
PPC	-5.4%	-4.3%	-20.8%	-10.2%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

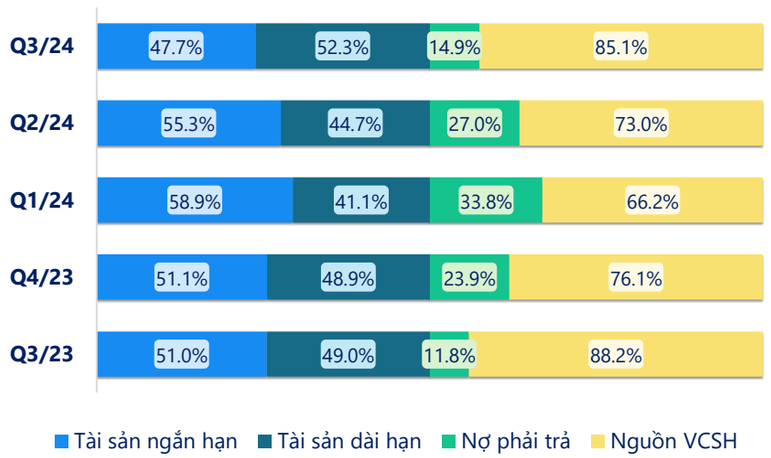

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

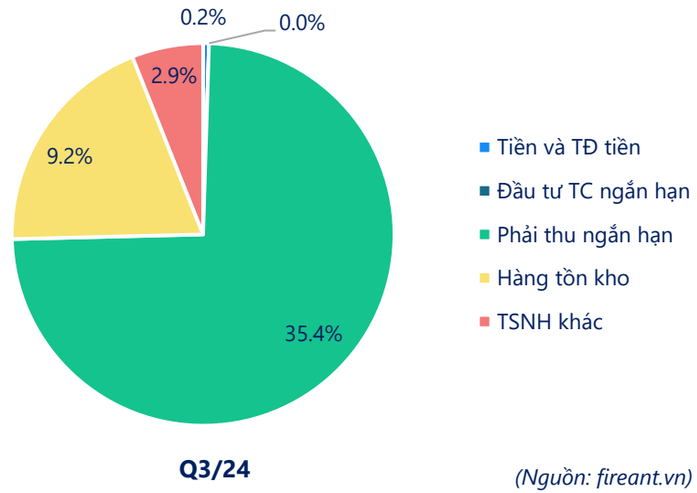

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

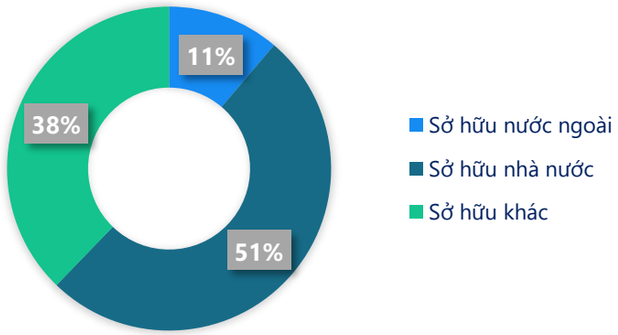

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

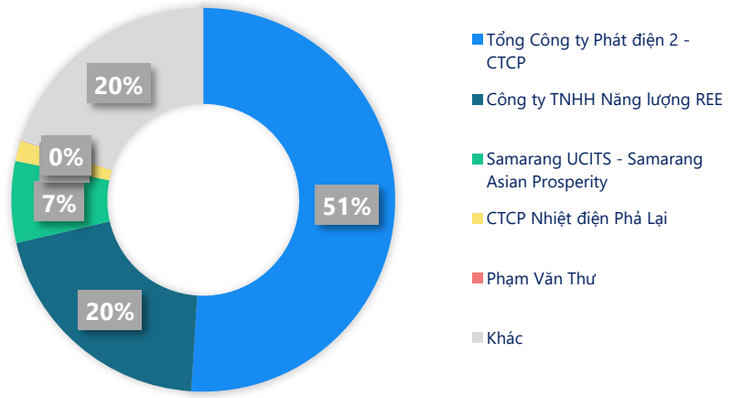

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

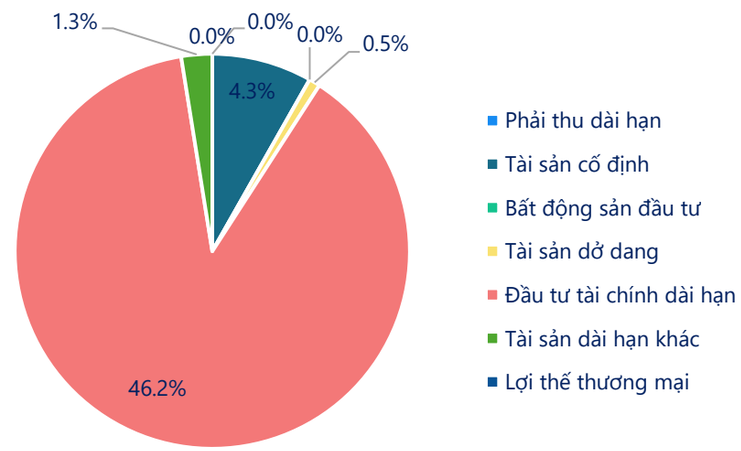

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Tiền và tương đương tiền

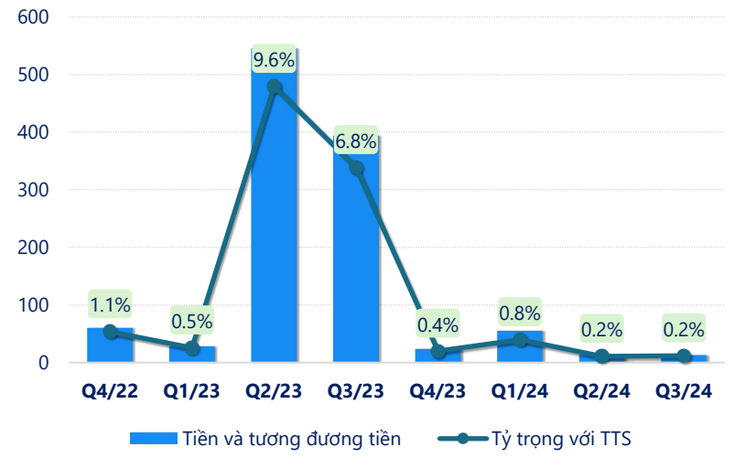

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

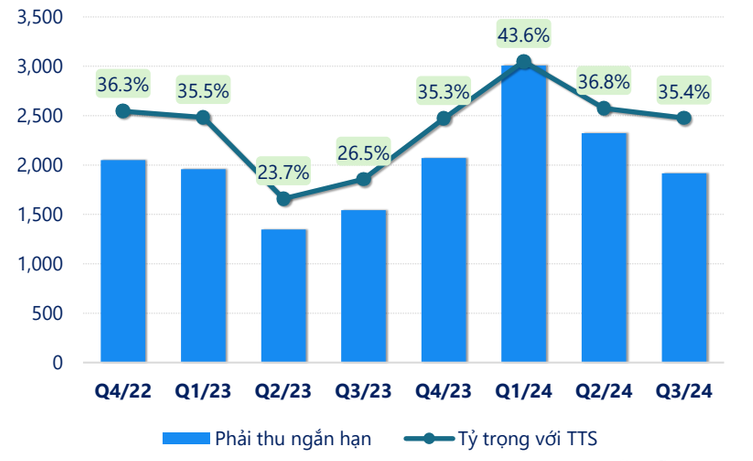

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

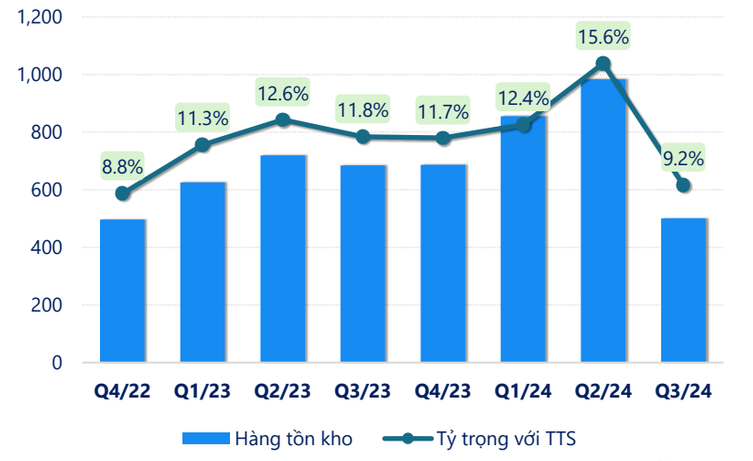

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

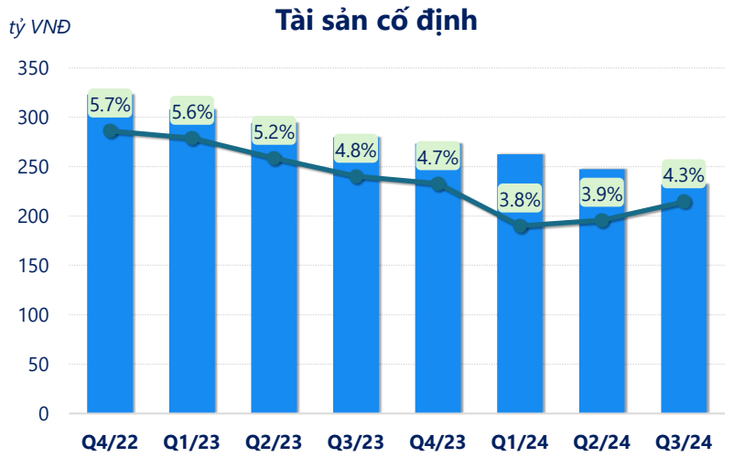

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

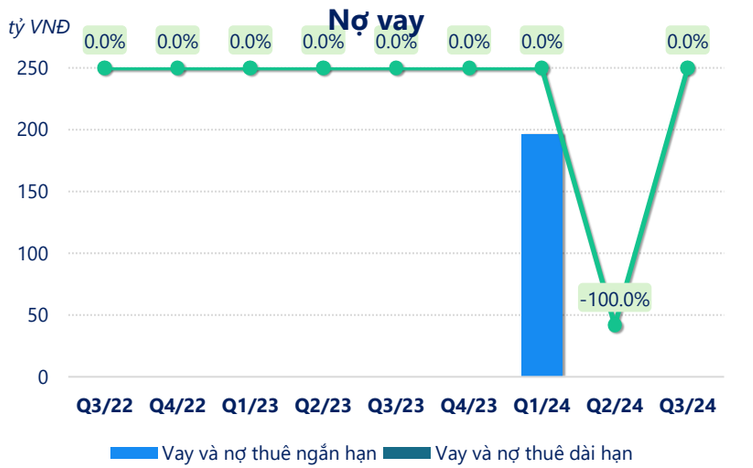

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

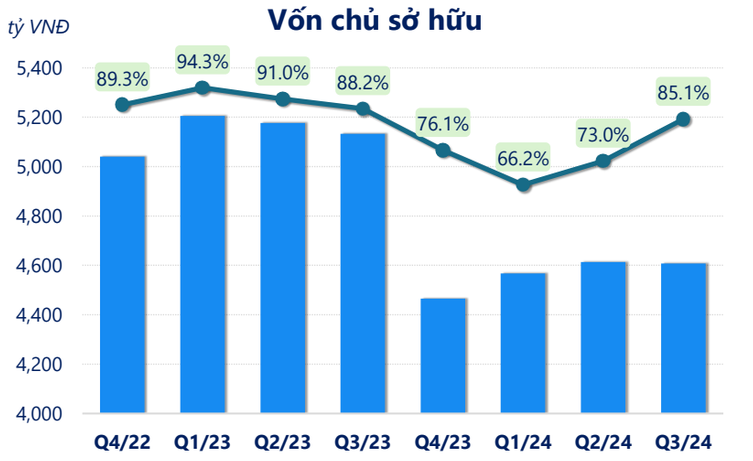

(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

Kết quả kinh doanh

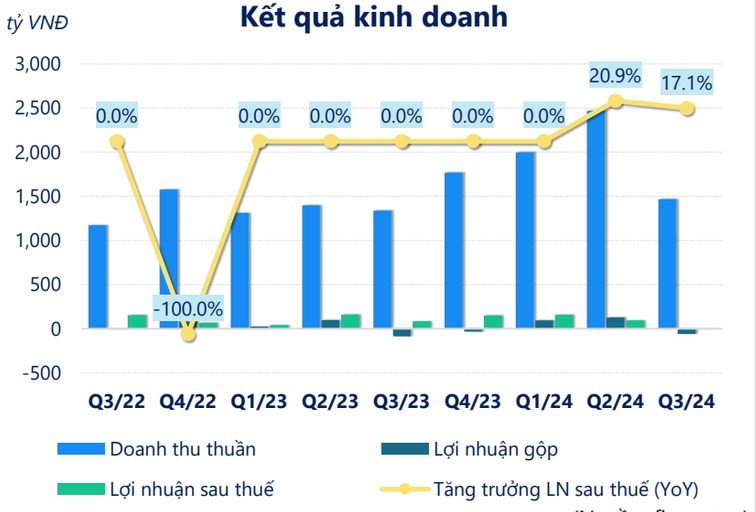

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

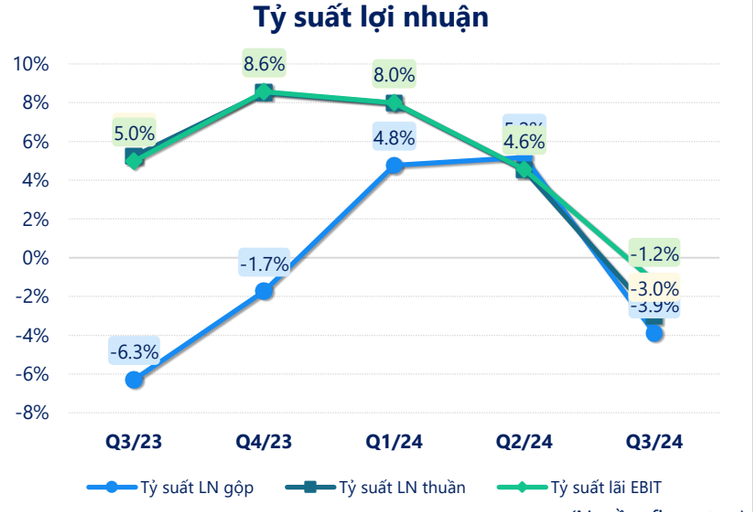

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

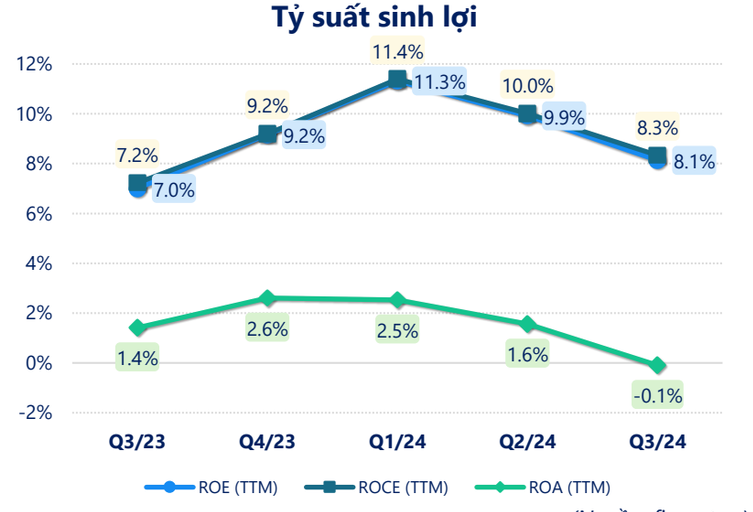

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

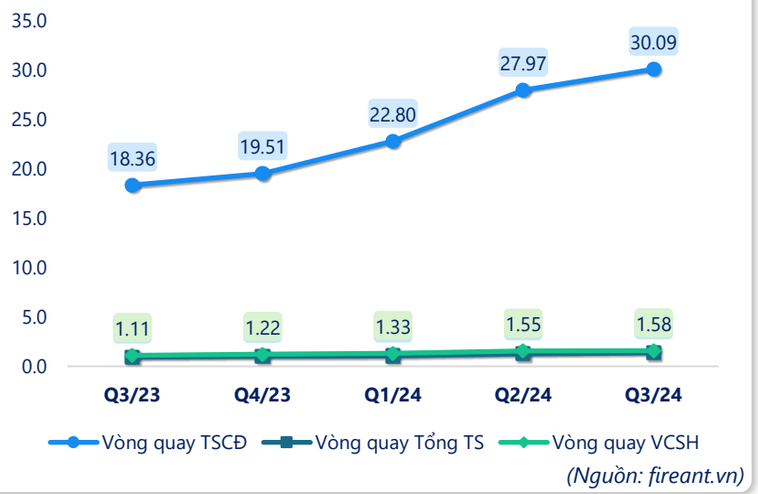

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

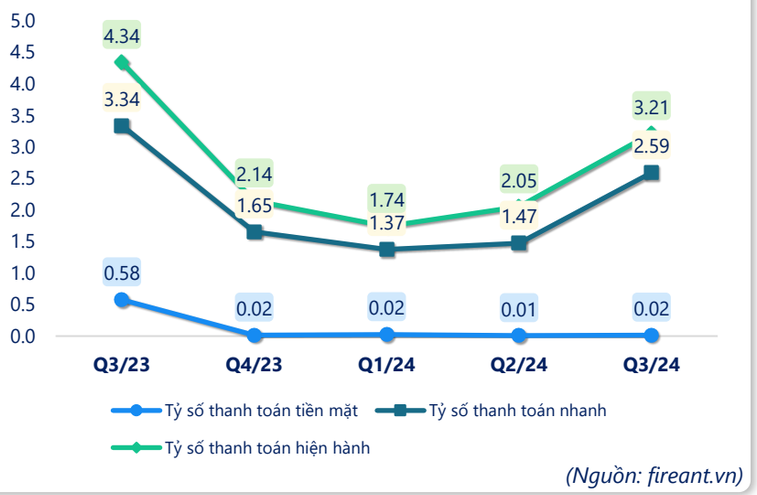

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

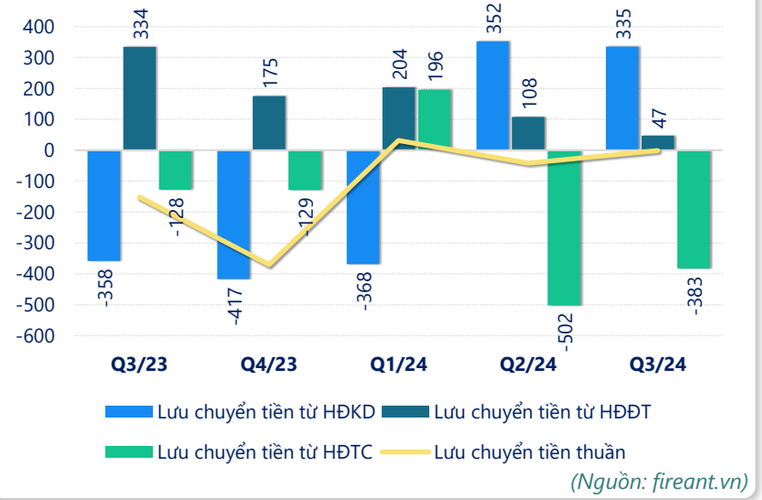

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Nhiệt điện Phả Lại (HSX: PPC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,412**	**5,778**	**-6.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,584	2,929	-11.8%
Tiền và tương đương tiền	12.8	23.5	-45.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	100	-100%
Phải thu ngắn hạn	1,915	1,978	-3.2%
Hàng tồn kho	500	709	-29.4%
Tài sản ngắn hạn khác	156	119	31.4%
Tài sản dài hạn	**2,828**	**2,849**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	232	273	-15.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.7	25.6	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,499	2,500	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**71.5**	**50.0**	**43.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	805	767	4.9%
Nợ ngắn hạn	**805**	**767**	**4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	580	555	4.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,608**	**5,011**	**-8.0%**
Vốn chủ sở hữu	**4,608**	**5,011**	**-8.0%**
Vốn điều lệ	3,262	3,262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	1,337	1,770	1,996	2,469	1,465
Giá vốn hàng bán	1,421	1,800	1,901	2,341	1,522
Lợi nhuận gộp	-84.0	-30.6	95.3	128	-56.9
Doanh thu HĐTC	184	229	95.3	18.6	45.5
Chi phí TC	1.21	-0.94	0.09	1.77	0.01
Chi phí lãi vay	0	0.42	0.08	0.40	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	28.7	48.3	31.3	32.7	32.9
LN thuần từ HĐKD	70.0	151	159	112	-44.3
Lợi nhuận khác	-3.50	0.53	0.27	0.30	26.4
LN trước thuế	66.5	151	159	112	-18.0
Lợi nhuận sau thuế	84.1	150	157	93.8	-5.31
LNST của CĐ cty mẹ	84.1	150	157	93.8	-5.31

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-358	-417	-368	352	335
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	334	175	204	108	46.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-128	-129	196	-502	-383
Tiền đầu kỳ	546	394	23.5	55.1	13.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-152**	**-370**	**31.6**	**-41.4**	**-0.90**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	394	23.5	55.1	13.7	12.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic